|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS NGÔ MÂY**  **TỔ: SỬ, ĐỊA, GDCD, CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA LÍ LỚP 6**

**BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO.**

**(Năm học 2021 - 2022)**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp 3; Số học sinh: 80 Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: 0**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 1

**Trình độ đào tạo**: Đại học 1

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Khá: 1

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | - La bàn | 1 | Bài 8: Thực hành. Xác định phương hướng ngoài thực tế. |  |
| 2 | - Bản đồ vùng núi Tây bắc nước ta.  - 1 số hình ảnh về Tây Bắc | 1 | Bài 11. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. |  |
| 3 | - Lược đồ nhiệt độ trung bình tháng 1 ở Việt Nam.  - Biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của 3 địa điểm thuộc 3 đới khí hậu khác nhau ở bán cầu bắc.  - Lược đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. | 1 | Bài 15.Thực hành về nhiệt độ và lượng mưa. |  |
| 4 | Tranh ảnh, video về thực vật, động vật ở tỉnh Gia Lai. | 1 | Bài 21 : Thực hành tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. |  |
| 5 | - Tranh ảnh, video về những tác động của con người tới nhiên thiên ở địa phương em sinh sống | 1 | Bài 24. Thực hành tác động của con người đến thiên nhiên. |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | Bài mở đầu. Tại sao cần học Địa lí | 1 | - Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại.  - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. |
| 2 | **CHƯƠNG 1. BẢN ĐỔ-PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỂ MẶT TRÁI ĐẤT**  Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến và Tọa độ địa lí | 2 | - Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độđịa lí, kinh độ, vĩ độ.  - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ vàkinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến.  - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới |
| 3 | Bài 2. Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng | 2 | - Nêu được khái niệm kí hiệu bản đồ, ý nghĩa của kí hiệu bản đồ.  - Kể tên được các loại kí hiệu bản đồ.  - Biết được các loại kí hiệu, chú giải biểu đồ. |
| 4 | Bài 3. Tìm đường đi trên bản đổ | 2 | -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Biết tìm đường đi trên bản đồ, tìm đường đi ngoài thực địa |
| 5 | Bài 4. Lược đồ trí nhớ | 1 | Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với học sinh. |
| 6 | Ôn tập chương 1 | 1 |  |
| 7 | **CHƯƠNG 2: TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI**  Bài 5. Vị trí Trái Đất trong hệ MặtTrời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất. | 1 | - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác.  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. |
| 8 | Bài 6: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả. | 2 | - Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình quả địa cầu.  - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.  - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiểu kinh tuyến. |
| 9 | Bài 7: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 2 | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian.  - Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu.  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ. |
| 10 | Bài 8: Xác định phương hướng ngoài thực tế. | 1 | Xác định ddược phương hướng ngoài thục tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên. |
| 11 | Ôn tập giữa học kì I | 1 |  |
| 12 | Kiểm tra giữa học kì I | 1 | Đề kiểm tra |
| 13 | Trả bài kiểm tra giữa học kì I | 1 |  |
| 14 | **CHƯƠNG 3: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT**  Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất. Động đất và núi lửa. | 2 | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất.  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.  - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.  - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra |
| 15 | Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản. | 2 | - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.  - Phân biệt được các dạng địa hình chính trênTrái Đất.  - Khái niệm khoảng sản, mỏ khoáng sản.  - Kể được tên một số loại khoáng sản.  - Giá trị của các loại khoáng sản. |
| 16 | Bài 11: Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. | 2 | - Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.  - Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. |
| 17 | **CHƯƠNG 4: KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**  Bài 12: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió trên Trái Đất | 2 | - Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.  - Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu.  - Kể dược tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.  - Trình bày được sự phàn bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.  - Biết cách sử dụng khi áp kế.  - Có ý thúc bảo vệ bầu khí quyển và lớp ô-dôn. |
| 18 | Bài 13: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu | 2 | - Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí.  - Thiết bị đo nhiệt độ không khí.  - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.  - Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.  - Phân biệt thời tiết và khí hậu.  -Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu. |
| 19 | Bài 14. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu | 2 | - Nêu được nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả, giải pháp của biến đổi khí hậu.  - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| 20 | Bài 15. Thực hành về nhiệt độ và lượng mưa | 1 | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. |
| 21 | **CHƯƠNG 5: NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT**  Bài 16. Thuỷ quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngẩm, băng hà | 1 | - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước. |
| 22 | Bài 17: Sông và hồ. | 2 | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. |
| 23 | Ôn tập học kì I | 1 |  |
| 24 | Kiểm tra học kì I | 1 | Đề kiểm tra |
| 25 | Bài 18: Biển và đại dương | 2 | - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  - Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển. |
| 26 | **CHƯƠNG 6: ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT**  Bài 19. Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình | 2 | - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  - Đặc điểm của các tầng đất.  - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  - Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. |
| 27 | Bài 20. Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới. | 2 | - Nêu được ví dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.  - Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.  - Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. |
| 28 | Bài 21.Thực hành tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | 2 | - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.  - Quan sát, ghi chép để hoàn thành tốt bài báo cáo của cá nhân, của nhóm.  - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên. |
| 29 | **Ôn tập giữa kì II** | 1 |  |
| 30 | **Kiểm tra giữa kì II** | 1 | Đề kiểm tra |
| 31 | **CHƯƠNG 7: CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**  Bài 22. Dân số và phân bố dân cư | 2 | - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điềm phân bố dân cư trên thế giới.  - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. |
| 32 | Bài 23. Con người và thiên nhiên | 2 | - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  - Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất.  - Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được. |
| 33 | Bài 24. Thực hành tác động của con người đến thiên nhiên | 2 |  |
| 34 | **Ôn tập cuối kì II** | 1 |  |
| 35 | **Kiểm tra cuối kì II** | 1 | Đề kiểm tra |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 11 – tiết 11 | - Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độđịa lí, kinh độ, vĩ độ.  - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác,...  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.  - Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thựctế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến  - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...  - Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu. | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 18 – tiết 18 | - Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu.  - Trình bày được sự phàn bố các đai khi áp và các loại gió thổi thuờng xuyên trên Trái Đất.  - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...  - Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu  - Phân biệt thời tiết và khí hậu.  -Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu  - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 28 – tiết 38 | - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  - Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển.  - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  - Đặc điểm của các tầng đất.  - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  - Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới. | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 35 – tiết 52 | - Biết được số dàn trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điềm phân bố dân cư trên thế giới.  - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  - Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên - Trái Đất  - Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển.  - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. | Kiểm tra viết |

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Quỳnh Thoa** | *Thiện An, ngày tháng 8 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG** |

1. [↑](#footnote-ref-1)